

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 6 năm 2019, bản tự khai ngày 18/6/2019 và biên bản hòa giải cũng như quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/3/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống cũng như trong công việc làm ăn. Chị G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2014 đến nay và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Nay chị Nguyễn Thị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc đã thực sự tan vỡ nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2019 và các lời trình bày khác tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/3/2012. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Chị G đã bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay. Anh T đã nhiều lần gọi điện động viên chị G trở về để cùng nhau chung sống nhưng chị G không về. Anh T cũng đã đi tìm gặp nhưng chị G cố tình né tránh, không cho anh T cơ hội để gặp gỡ nói chuyện. Nay chị G làm đơn xin ly hôn anh T không đồng ý vì xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn rất yêu thương chị G và mong chị G suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị G vắng mặt, nhưng tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị G vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày tại bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa anh Vũ Văn T vẫn xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G vẫn còn, anh vẫn yêu thương chị G nên anh không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị G có đơn khởi kiện về việc ly hôn, đối với anh Vũ Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay tại xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/3/2012. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ năm 2014 nên chị G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở và tìm mọi cách để né tránh anh T. Chị Nguyễn Thị G xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Vũ Văn T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh Vũ Văn T. Anh Vũ Văn T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G vẫn còn nên anh T đề nghị giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Vũ Văn T

theo quy định tại **Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình** xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Vũ Văn T là phù hợp.

[3]Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn T thống nhất vợ, chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn T thống nhất vợ, chồng không có tài sản gì chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 6, 19, 24, 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 6, 19, 24, 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002396 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Chị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự– Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã Vĩnh Hưng – Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Sơn

